TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 26/5/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đích và bà Vũ Thị Lệ Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 140/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST- DS ngày 12/5/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phan Ngọc L**, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 174 Châu Thị Vĩnh T, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Thanh L**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 67 Trần Xuân L, phường H, quận T, TP. Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền ngày 16/01/2020 do Chủ tịch UBND phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng chứng thực). *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Á**, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 01 An Thượng 20, phường B, quận N, thành phố Đà Nẵng và bà **Bùi Thụy Thùy T** *(Bùi Thị Thùy*

T), sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 47 (nay là tổ 23), phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 10/02/2020; bản tự khai ngày 18/02/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh L trình bày:*

Nguyên trước đây, ông Phan Ngọc L và ông Nguyễn Văn Á, bà Bùi Thị Thùy T có mối quan hệ làm ăn với nhau. Trong quá trình làm ăn, ông Á và bà T có mượn của ông L số tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 14.5.2016, ông Á và bà T mượn của ông L số tiền là 220.000.000 đồng *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)* và hẹn trả vào ngày 26.5.2016.

- Ngày 27.5.2016, ông Á và bà T tiếp tục mượn của ông L số tiền là 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng),* hẹn trả vào ngày 01.6.2016 và cũng trong ngày 27.5.2016 cam kết mượn 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, hẹn trả vào ngày 06.6.2016.

- Ngày 28.5.2016, ông Á và bà T tiếp tục mượn của ông L số tiền là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* và hẹn trả vào ngày 07.6.2016.

Tổng số tiền ông Á và bà T mượn của ông L là 920.000.000 đồng *(Chín trăm hai mươi triệu đồng).*

Tuy nhiên, dù đã đến hẹn trả nợ như thỏa thuận trong giấy mượn tiền nhưng ông Á và bà T vẫn không thực hiện nên ông L đã nhiều lần gọi điện cũng như gặp trực tiếp yêu cầu ông Á và bà T thanh toán theo đúng giấy hẹn nhưng ông bà hẹn đi hẹn lại nhiều lần và cố tình lẩn tránh không chịu trả.

Nay, ông L nhận thấy ông Á và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và có ý định trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với ông L. Do đó, ông L đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận S để yêu cầu giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thị Thùy T phải trả cho ông số tiền đã mượn là 920.000.000 đồng *(Chín trăm hai mươi triệu đồng).*

- Buộc ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thị Thùy T trả tiền lãi chậm trả đối với các số tiền đã mượn là 334.139.726 *(Ba trăm ba mươi bốn triệu một trăm ba mươi*

chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng), cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền 220.000.000 đồng tính từ ngày 27.5.2016 đến ngày 20.1.2020 (1.333 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là: 80.345.205 đồng *(Tám mươi triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng).*

+ Đối với số tiền 250.000.000 đồng tính từ ngày 02.6.2016 đến ngày 20.1.2020 (1.327 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là: 90.890.411 đồng *(Chín mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).*

+ Đối với số tiền 150.000.000 đồng tính từ ngày 07.6.2016 đến ngày 20.1.2020 (1.322 ngày) trên với mức lãi suất 10%/năm là: 54.328.767 đồng *(Năm mươi tư triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).*

+ Đối với số tiền 300.000.000 đồng tính từ ngày 08.6.2016 đến ngày 20.1.2020 (1.321 ngày) trên với mức lãi suất 10%/năm là: 108.575.342 *(Một trăm lẻ tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả được tạm tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của ông L bị xâm phạm đến ngày xét xử vụ án ngày 26/5/2020,với mức lãi suất tương ứng theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 220.000.000 đồng tính từ ngày 27.5.2016 đến ngày 31.12.2016 (07 tháng 04 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 11.766.986 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.5.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 74.840.182 đồng.

- Đối với số tiền 250.000.000 đồng tính từ ngày 02.6.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 29 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 13.037.671 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.05.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 85.046.662 đồng.

- Đối với số tiền 150.000.000 đồng tính từ ngày 07.6.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 24 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 7.637.671 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.05.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 51.027.397đồng.

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng tính từ ngày 08.6.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 23 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 15.201.369 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.05.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 102.054.794 đồng.

Vậy ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thị Thùy T phải trả cho ông Phan Ngọc L số tiền nợ gốc là 920.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 360.612.732 đồng, tổng số tiền là **1.280.612.732** đồng *(Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu, sáu trăm mười hai nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng).*

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T (Bùi Thị Thùy T), đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông Á và bà T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Phan Ngọc L với bị đơn ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T *(Bùi Thị Thùy T)* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T *(Bùi Thị Thùy T)* (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Á và bà T.

[2]. Về nội dung vụ án:

Do có mối quan hệ làm ăn với nhau nên ông Á và bà T có mượn của ông L tổng số tiền là: 920.000.000 đồng *(Chín trăm hai mươi triệu đồng)*. Cụ thể như sau:

- Ngày 14.5.2016, ông Á và bà T mượn của ông L số tiền là 220.000.000 đồng - hẹn trả vào ngày 26.5.2016.

- Ngày 27.5.2016, ông Á và bà T tiếp tục mượn của ông L số tiền là 250.000.000 đồng - hẹn trả vào ngày 01.6.2016 và 150.000.000 đồng - hẹn trả vào ngày 06.6.2016.

- Ngày 28.5.2016, ông Á và bà T tiếp tục mượn của ông L số tiền là 300.000.000 đồng - hẹn trả vào ngày 07.6.2016.

Tuy nhiên, sau thời gian đã thỏa thuận như cam kết mà ông Á và bà T vẫn không trả nợ cho ông L mặc dù đã nhiều lần ông L yêu cầu ông Á và bà T trả số tiền trên nhưng ông Á và bà T không thực hiện nên ông L khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thị Thùy T *(Bùi Thị Thùy T)* phải trả cho ông số tiền: 1.254.139.726 đồng. Trong đó: nợ gốc: 920.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả đối với số tiền các lần đã mượn là 334.139.726 đồng. Cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền 220.000.000 đồng tính từ ngày 27.5.2016 đến ngày 20.1.2020 (1.333 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là: 80.345.205 đồng *(Tám mươi triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng).*

+ Đối với số tiền 250.000.000 đồng tính từ ngày 02.6.2016 đến ngày 20.1.2020 (1.327 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là: 90.890.411 đồng *(Chín mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).*

+ Đối với số tiền 150.000.000 đồng tính từ ngày 07.6.2016 đến ngày 20.1.2020 (1.322 ngày) trên với mức lãi suất 10%/năm là: 54.328.767 đồng *(Năm mươi tư triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).*

+ Đối với số tiền 300.000.000 đồng tính từ ngày 08.6.2016 đến ngày 20.1.2020 (1.321 ngày) trên với mức lãi suất 10%/năm là: 108.575.342 *(Một trăm lẻ tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả được tạm tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của ông L bị xâm phạm đến ngày xét xử vụ án ngày 26/5/2020,với mức lãi suất tương ứng theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 220.000.000 đồng tính từ ngày 27.5.2016 đến ngày 31.12.2016 (07 tháng 04 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 11.766.986 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.5.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 74.840.182 đồng.

- Đối với số tiền 250.000.000 đồng tính từ ngày 02.6.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 29 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 13.037.671 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.05.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 85.046.662 đồng.

- Đối với số tiền 150.000.000 đồng tính từ ngày 07.6.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 24 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 7.637.671 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.05.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 51.027.397đồng.

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng tính từ ngày 08.6.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 23 ngày) trên mức lãi suất 9%/năm là: 15.201.369 đồng; tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.05.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là: 102.054.794 đồng.

Vậy ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thị Thùy T phải trả cho ông Phan Ngọc L số tiền nợ gốc là 920.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 360.612.732 đồng, tổng số tiền là 1.280.612.732 đồng *(Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu, sáu trăm mười hai nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng).*

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy:

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn ông Phan Ngọc L với bị đơn ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T *(Bùi Thị Thùy T)* là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Tại các giấy mượn tiền ngày 14.5.2016; ngày 27.5.2016 và ngày 28.5.2016 thể hiện ông Á và bà T có nợ ông L số tiền 920.000.000 đồng và có cam kết thời gian trả số tiền trên. Đồng thời đã nhiều lần ông L yêu cầu ông Á và bà T trả số tiền trên nhưng ông Á và bà T không thực hiện.

HĐXX xét thấy, ông Á và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc khởi kiện của ông L yêu cầu Tòa án buộc ông Á, bà T phải trả số tiền nợ gốc 920.000.000 đồng đã mượn là có căn cứ, phù hợp với 290; 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. Đối với yêu cầu thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi được tính theo 02 thời điểm đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/5/2020 của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì thấy: Việc yêu cầu trên của đại diện nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS 2015.

[5]. Xét về yêu cầu tính lãi thì thấy: Trong các giấy cam kết mượn tiền ngày ngày 14.5.2016; ngày 27.5.2016 và ngày 28.5.2016 không thể hiện việc các đương sự thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên do ông Á, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L nên ông L tính lãi suất kể từ ngày bị xâm phạm, số tiền lãi được tính ở 02 thời điểm, cụ thể như sau:

[5.1]. Đối với khoản tiền lãi của số tiền 220.000.000 đồng:

- Tính từ ngày 27.5.2016 đến ngày 31.12.2016 (07 tháng 04 ngày), với lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Cụ thể:

220.000.000 đồng x {(0,75% x 07 tháng) + (0,025% x 04 ngày)} = 11.766.986 đồng.

- Tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.5.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) với lãi suất 10%/năm, tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Cụ thể:

220.000.000 đồng x {(0,83% x 04 tháng) + (0,027% x 25 ngày)} = 74.840.182 đồng.

[5.2]. Đối với khoản tiền lãi của số tiền 250.000.000 đồng:

- Tính từ ngày 02.6.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 29 ngày) với lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Cụ thể:

250.000.000 đồng x {(0,75% x 06 tháng) + (0,025% x 29 ngày)} = 13.037.671 đồng.

- Tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.05.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) với lãi suất 10%/năm, tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Cụ thể:

250.000.000 đồng x {(0,83% x 03 năm 04 tháng) + (0,027% x 25 ngày)} = 85.046.662 đồng.

[5.3]. Đối với khoản tiền lãi của số tiền 150.000.000 đồng:

- Tính từ ngày 07.6.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 24 ngày) với lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Cụ thể:

150.000.000 đồng x {(0,75% x 06 tháng) + (0,025% x 24 ngày)} = 7.637.671 đồng.

- Tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.05.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) với lãi suất 10%/năm, tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Cụ thể:

150.000.000 đồng x {(0,83% x 03 năm 04 tháng) + (0,027% x 25 ngày)} = 51.027.397 đồng.

[5.4]. Đối với khoản tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng:

- Tính từ ngày 08.6.2016 đến ngày 31.12.2016 (06 tháng 23 ngày) với lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Cụ thể:

300.000.000 đồng x {(0,75% x 06 tháng) + (0,025% x 26 ngày)} = 15.201.369 đồng.

- Tính từ ngày 01.01.2017 đến ngày 26.05.2020 (03 năm 04 tháng 25 ngày) với lãi suất 10%/năm, tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Cụ thể:

300.000.000 đồng x {(0,83% x 03 năm 04 tháng) + (0,027% x 25 ngày)} = 102.054.794 đồng.

Như vậy tổng số tiền lãi của 02 thời điểm được tính trên số tiền gốc ông Á, bà T phải chịu là:

[5.1] + [5.2] + [5.3] + [5.4] = 360.612.732 đồng.

Yêu cầu tính lãi của ông L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 474 của BLDS năm 2005 và Điều 466 của BLDS năm 2015, nên được chấp nhận.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Phan Ngọc L, buộc ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T *(Bùi Thị Thùy T)* phải liên đới trả cho ông Phan Ngọc L số tiền 1.280.612.732 đồng. Trong đó: nợ gốc là: 920.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/5/2020 là: 360.612.732 đồng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là ông Phan Ngọc L được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T *(Bùi Thị Thùy T)* phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Cụ thể số tiền bị đơn ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T *(Bùi Thị Thùy T)* phải chịu là:

{1.280.612.732 = (36.000.000đ + 3% (14.418.381đ)} = 50.418.381 đồng.

Hoàn trả cho ông Phan Ngọc L số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- 290; 471; 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của ông Phan Ngọc L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T *(Bùi Thị Thùy T).*

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T *(Bùi Thị Thùy T)* phải liên đới trả cho ông Phan Ngọc L số tiền 1.280.612.732 đồng *(Một tỷ hai trăm tám mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).* Trong đó: nợ gốc là: 920.000.000 đồng *(Chín trăm hai mươi triệu đồng);* nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/5/2020 là: 360.612.732 đồng *(Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DS- ST: 50.418.381 đồng *(Năm mươi triệu bốn trăm mười tám nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng)* ông Nguyễn Văn Á và bà Bùi Thụy Thùy T *(Bùi Thị Thùy T)* phải chịu.

Hoàn trả cho ông Phan Ngọc L số tiền 24.812.095 đồng *(Hai mươi bốn triệu tám trăm mười hai ngàn không trăm chín mươi lăm đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8406 ngày 17/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đông Thanh